

TTĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NQ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2026

GÓNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 21/01/2026

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Năm 2025, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức từ bên ngoài và thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, vượt mức lịch sử, chúng ta đã chủ động, sáng tạo, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành, thích ứng linh hoạt với tình hình, “xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái”. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 tiếp tục đạt được nhiều kết quả ấn tượng, rất đáng trân trọng, tự hào, được Nhân dân và cộng đồng quốc tế đánh giá cao; tiếp tục tạo xu thế đổi mới, tạo đà phát triển nhanh, bền vững, bao trùm, toàn diện bước vào kỷ nguyên mới.

Năm 2026 có ý nghĩa quan trọng, khởi đầu một giai đoạn phát triển mới, là năm diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, phấn đấu tăng trưởng 2 con số. Trong khi đó, tình hình thế giới dự báo tiếp tục phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ở trong nước, thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là từ bên ngoài; các vấn đề an ninh phi truyền thống, dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục ảnh hưởng nặng nề...

I. CHỦ ĐỀ, QUAN ĐIỂM, TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH NĂM 2026

Chính phủ yêu cầu các cấp, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn; phát huy sức mạnh đoàn kết, không ngừng đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tự tin, tự lực, tự cường, tự chủ chiến lược, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt theo chủ đề “*Kỷ cương trách nhiệm; chủ động hiệu quả; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá; tăng trưởng bền vững*” với 05 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành, gồm:

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, với tinh thần “Đảng đã chỉ đạo, Chính phủ đã thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi, bạn bè giúp đỡ thì chỉ bàn làm, không bàn lùi”.

2. Giữ đà, giữ nhịp và tăng tốc, bứt phá; bám sát thực tiễn, nhận diện và phát huy hiệu quả mọi cơ hội, thuận lợi; kịp thời ứng phó với những vấn đề phát sinh.

3. Đổi mới căn bản tư duy phát triển, phương thức quản trị và phân bổ nguồn lực; giải quyết hiệu quả các vấn đề trước mắt để tạo đà tăng trưởng, thực hiện các cải cách chiến lược, dài hạn để chuyển đổi mô hình phát triển, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính. Phát triển các thành phần kinh tế, kết hợp hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

4. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước gắn với phân cấp, phân quyền; tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

5. Phát triển kinh tế, xã hội, môi trường là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

a) Thể chế hoá kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, kết luận, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội. Bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án luật thuộc Chương trình lập pháp năm 2026. Tiếp tục tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, bất cập của thể chế để khơi thông nguồn lực đang bị ách tắc; chuyển mạnh và thực chất từ tư duy “quản lý” sang “kiến tạo phát triển”; bảo đảm mỗi việc có một đầu mối chịu trách nhiệm, chấm dứt đùn đẩy, né tránh, dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, bảo vệ nghiêm ngặt quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, tuyệt đối không được lợi dụng thanh tra, kiểm tra, điều tra để sách nhiễu người dân, doanh nghiệp; bảo đảm tính ổn định, nhất quán và khả năng dự báo của chính sách, hạn chế tối đa thay đổi đột ngột, hồi tố hoặc thiếu thống nhất trong thực thi. Xây dựng, trình Quốc hội ban hành các Nghị quyết về cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị: số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 về phát triển kinh tế nhà nước, số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 về phát triển văn hóa Việt Nam và Nghị quyết về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (sau khi được ban hành). Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ. Hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy, mở rộng phân cấp, phân quyền; rà soát để cắt giảm thủ tục hành chính, tạo không gian quyết định và chịu trách nhiệm lớn hơn cho cán bộ, công chức; giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Phát huy hiệu quả Ban Chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật và các cơ chế đặc biệt để xử lý ngay các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật; chủ động nghiên cứu, xây dựng chính sách, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), tạo hành lang pháp lý cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, những vấn đề mới, phi truyền thống và cơ chế khuyến khích cho các nhiệm vụ, dự án công nghệ mới, công

nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, thị trường dữ liệu, tài sản mã hóa... dự án sử dụng công nghệ có tỷ lệ nội địa hóa cao, dự án lớn; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển đặc khu kinh tế tại Vân Đồn, Vân Phong, Phú Quốc, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù đang áp dụng cho các địa phương để nghiên cứu, thể chế hóa thành chính sách chung cho cả nước. Hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững các loại thị trường. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; năm 2026, cắt giảm, đơn giản hóa 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư; cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024. Cắt giảm thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu số, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại giấy tờ đã được số hóa; không để phát sinh mới thủ tục, quy định kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới không phù hợp, thiếu tính khả thi.

b) Tăng cường hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; chú trọng giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật. Khắc phục triệt để tình trạng chậm, nợ các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết. Tăng cường phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật...

2. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn, nợ công, bội chi ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các biến động kinh tế, thương mại thế giới; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới

a) Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, linh hoạt giữa chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác, kỹ trị dựa trên nguyên tắc thị trường, tránh lạm dụng biện pháp hành chính, trong đó chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả.

Điều hành lãi suất, tỷ giá phù hợp với diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, lạm phát và mục tiêu chính sách tiền tệ. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng; tiếp tục triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kiểm soát tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời, mở rộng cơ sở thu, chống thất thu thuế, nhất là từ thương mại điện tử, dịch vụ ăn uống, bán lẻ. Phấn đấu thu ngân sách nhà nước năm 2026 tăng ít nhất 10% so với ước thực hiện năm 2025. Trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 tiết kiệm ngay 5% dự toán khi phân bổ chi đầu tư ngân sách từ đầu năm để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương) bổ sung nguồn chi an sinh xã hội; sử dụng hiệu quả dự địa về nợ công, bội chi trong giới hạn

an toàn để huy động nguồn lực cho đầu tư, trong đó có phát hành trái phiếu Chính phủ để đầu tư một số công trình trọng điểm. Chủ động điều hành linh hoạt kỳ hạn, khối lượng phát hành trái phiếu Chính phủ trong năm để đáp ứng nhu cầu huy động vốn cho ngân sách nhà nước, dự phòng những thời điểm thị trường không thuận lợi và bảo đảm an toàn nợ công, thanh khoản của thị trường.

Chú trọng ổn định và làm lành mạnh các thị trường trọng yếu của nền kinh tế, tôn trọng đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường cạnh tranh, quy luật cung – cầu, giá cả..., đặc biệt là các thị trường bất động sản (trọng tâm là quy hoạch và pháp lý), trái phiếu doanh nghiệp, thị trường tín dụng, thị trường vốn, thị trường vàng, ngoại tệ... bảo đảm hoạt động thông suốt, minh bạch, an toàn; xây dựng cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả các quỹ đầu tư quốc tế. Theo dõi sát diễn biến giá cả hàng hóa thế giới, trong nước, chủ động các giải pháp ứng phó, điều hành. Thực hiện nghiêm các quy định về kê khai giá, niêm yết giá, công khai thông tin về giá.

b) Phát triển mạnh thị trường trong nước, thúc đẩy du lịch, tăng cường xúc tiến thương mại; tổ chức các hội chợ quy mô lớn về thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ... Thực hiện các biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Tổ chức tốt Hội chợ Mùa Xuân vào tháng 01 năm 2026. Nâng cao chất lượng các loại dịch vụ, tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế.

c) Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2026, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các công trình trọng điểm và các chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường hợp tác công tư. Bảo đảm tiến độ thực hiện dự án và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Ngân sách Trung ương tập trung đầu tư vào các dự án quan trọng quốc gia, công trình, dự án lớn, có tính liên vùng, liên quốc gia, quốc tế; ngân sách địa phương tập trung đầu tư vào các công trình, dự án liên tỉnh, liên xã; bảo đảm đầu tư trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, tính lan tỏa cao. Tổng số dự án kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 không quá 3.000 dự án, bao gồm các dự án chuyển tiếp (không bao gồm các dự án của chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số).

Xây dựng cơ chế hiệu quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc, gắn với chuyển giao, học hỏi và tiếp thu công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh về công nghệ.

d) Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đa dạng hoá thị trường xuất, nhập khẩu gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu. Khai thác hiệu quả 17 FTA đã ký kết; phấn đấu thắng dư thương mại bền vững. Triển khai hiệu quả Kế hoạch tổng thể chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại giai đoạn 2026-2030; đa dạng hóa các chương trình xúc tiến thương mại quy mô lớn, chuyên sâu theo từng ngành hàng, sản phẩm công nghệ cao và các mặt hàng Việt Nam có thế mạnh tại các thị trường có FTA/CEPA, thị trường ngách và thị trường mới; phấn đấu sớm ký kết FTA với các nước khối Mercosur, Trung Đông (GCC) và các đối tác khác. Hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ công nghệ, tiêu chuẩn - quy chuẩn, sở hữu trí tuệ và năng lực làm chủ/đồng phát triển công nghệ khi tham gia chương trình xúc tiến. Duy trì các hội nghị giao ban xúc tiến

thương mại với hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài.

đ) Thúc đẩy, tạo đột phá cho các động lực tăng trưởng mới, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử...; khai thác hiệu quả các không gian phát triển mới như kinh tế biển, kinh tế đại dương xanh, kinh tế không gian (trên không và dưới lòng đất), kinh tế chia sẻ... Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tuần hoàn, phát thải các bon thấp, tiết kiệm tài nguyên, trách nhiệm phát triển bền vững (ESG)... Nghiên cứu chính sách thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số. Nghiên cứu xây dựng, triển khai Kế hoạch tổng thể ứng dụng thương mại điện tử tại khu vực miền núi, biên giới giai đoạn 2027-2030. Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; xây dựng, hoàn thiện chính sách khuyến khích đầu tư các dự án xanh.

e) Kịp thời có giải pháp quản lý, điều tiết sản xuất, ổn định cung cầu các mặt hàng, nhất là hàng hóa thiết yếu, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an ninh năng lượng, cung ứng đủ điện, xăng dầu trong mọi tình huống.

g) Theo dõi sát tình hình điều chỉnh chính sách thương mại của các nước lớn, kịp thời tham mưu, đề xuất các ứng xử phù hợp; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chuyển đổi thị trường, sản xuất kinh doanh, cơ cấu lại chuỗi cung ứng, sản xuất theo hướng tự chủ, bền vững. Nghiên cứu xây dựng chương trình quốc gia nâng tỷ lệ nội địa hóa cho các ngành hàng. Đẩy mạnh nhập khẩu có chọn lọc đối với nguyên liệu đầu vào, sản phẩm công nghệ cao, linh kiện, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất trong các lĩnh vực công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, máy móc, thiết bị và linh kiện, năng lượng tái tạo. Triển khai Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global), tập trung hỗ trợ thị trường, thương hiệu, kênh phân phối, logistics, bảo hiểm, pháp lý, mua bán sáp nhập, kết nối với các tập đoàn đa quốc gia...

3. Tiếp tục hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy hành chính; tăng cường phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi của bộ máy trong điều kiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ

a) Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của bộ máy mới, bảo đảm sự thông suốt trong điều hành từ Trung ương đến cơ sở; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; phân cấp, phân quyền tối đa cho các cấp và phân bổ nguồn lực gắn với trách nhiệm giải trình, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát; ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đo bằng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Khai thác hiệu quả tài sản công đang bị lãng phí và xử lý trụ sở công đôi dư sau sắp xếp, qua đó nâng cao tính chủ động, tự chủ và hiệu quả quản trị của bộ máy nhà nước. Hoàn thiện, đưa vào khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia. Thực hiện nghiêm Kết luận 226-KL/TW của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xác định năm 2026 là “năm nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở”, đặc biệt là ở cấp xã, đặc khu. Xây dựng các giải pháp nâng cao năng lực tham mưu chiến lược, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức của các bộ, ngành Trung ương; triển khai hiệu quả cơ chế thu hút

nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đối với người có tài năng. Hoàn thiện cơ chế đánh giá cán bộ, thay thế cán bộ, trọng dụng cán bộ có năng lực tốt; thực hiện đánh giá công chức theo tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPI).

b) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấm dứt tình trạng né tránh, sợ trách nhiệm. Có cơ chế, chính sách đột phá xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức vững chắc về tư tưởng chính trị, chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm; có cơ chế, chính sách tạo động lực, bảo vệ cán bộ, công chức làm việc, cống hiến, vì lợi ích chung.

c) Thực hiện nghiêm, quyết liệt, hiệu quả Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27 tháng 10 năm 2023, Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030, các quy định của pháp luật về thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra. Giải quyết, xử lý kịp thời tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, tăng tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản do vi phạm, tiêu cực, tham nhũng. Tập trung phòng, chống lãng phí trong toàn xã hội; thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm gây lãng phí lớn; đẩy mạnh truyền thông, xây dựng văn hoá tiết kiệm, chống lãng phí.

d) Thực hiện hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở. Tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu kiện đông người, kéo dài, phức tạp, vượt cấp.

4. Chuyển đổi căn bản mô hình tăng trưởng dựa vào năng suất và đổi mới sáng tạo; đặt nâng cao năng suất, chất lượng nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào trung tâm của chiến lược phát triển; cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng xanh, số, tuần hoàn, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, sức chống chịu của nền kinh tế

a) Cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ

- Về công nghiệp: Xây dựng Chương trình phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp chiến lược, các đề án phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, phát triển công nghiệp đường sắt, công nghiệp ứng dụng năng lượng nguyên tử, năng lượng xanh, năng lượng sạch, không gian vũ trụ, lượng tử... Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển ngành công nghiệp bán dẫn. Thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ; tăng cường liên kết giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực trong nước; nội hàm hóa chiến lược "Make in Vietnam". Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng xanh, tiết kiệm năng lượng, phát thải các-bon thấp, vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng sử dụng cho công trình ven biển và hải đảo. Đẩy nhanh tiến độ chấp thuận chủ trương đầu tư, triển khai các dự án công nghiệp quy mô lớn.

- Về nông nghiệp: Phát triển nhanh, bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển sản xuất nông lâm thủy sản hàng hóa tích hợp đa giá trị, dựa trên lợi thế địa phương, hiện đại, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản

xuất nông nghiệp, phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững.

- Về dịch vụ: Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại. Phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh. Phát huy hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam và các khu thương mại tự do thế hệ mới. Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, xanh, bền vững. Hình thành một số trung tâm dịch vụ du lịch có khả năng cạnh tranh, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc. Tiếp tục phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics, giảm chi phí logistics.

b) Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước. Hoàn thiện thể chế quản lý thuế, nhất là đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh mới phát sinh trong nền kinh tế số, giao dịch xuyên biên giới; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời, mở rộng cơ sở thuế.

c) Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công. Tập trung bố trí vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án hạ tầng chiến lược, quan trọng quốc gia, có tính liên vùng, liên quốc gia, quốc tế; chương trình, dự án trọng điểm về công nghiệp quốc phòng, an ninh; các dự án cao tốc theo phân cấp, bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định. Đổi mới mạnh mẽ cách thức triển khai đầu tư công theo hướng dẫn dắt phát triển, lan tỏa và kích hoạt kéo theo nguồn lực tư nhân, qua đó phấn đấu giảm ICOR xuống khoảng 4 trong giai đoạn tới. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí.

d) Triển khai quyết liệt việc cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng bền vững; tăng vốn cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại nhà nước. Tích cực xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, triển khai phương án cơ cấu lại các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt. Nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động các tổ chức tín dụng. Phát triển thị trường vốn trung và dài hạn có chiều sâu, song song với cơ cấu lại thị trường tín dụng theo hướng bền vững, xử lý tận gốc các yếu kém của tổ chức tín dụng, tình trạng sở hữu chéo, sở hữu ngầm, cho vay quan hệ. Tăng cường xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu mới phát sinh. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động ngân hàng.

đ) Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; phương án sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (sau khi được phê duyệt) và nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý nhà đất của doanh nghiệp theo quy định.

e) Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân. Hình thành các tập đoàn tư nhân lớn, đủ năng lực tham gia hạ tầng trọng điểm, công nghệ cao và các lĩnh vực chiến lược. Phấn đấu năm 2026, tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt khoảng 55%. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năng động, hiệu quả; tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác.

g) Quyết liệt chỉ đạo, xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng, kéo dài; thực hiện hiệu quả Kết luận số 77-KL/TW ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết

265/2025/QH15 của Quốc hội để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án.

5. Tập trung đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng chiến lược hiện đại, đồng bộ, tạo nền tảng cho năng lực cạnh tranh quốc gia, nhất là các công trình giao thông trọng điểm, hệ thống giao thông trục quốc gia, đường sắt, sân bay quốc tế, cảng biển, năng lượng; thúc đẩy các dự án có tính liên vùng, hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số; điều chỉnh quy hoạch phù hợp với bối cảnh mới.

a) Tạo chuyển biến rõ rệt về tiến độ, khởi công các hạng mục then chốt của tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, các tuyến đường sắt đô thị; hoàn thành khảo sát, thiết kế các tuyến đường sắt kết nối khu vực, quốc tế, một số đoạn tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; đầu tư phát triển hệ thống đường bộ, đường cao tốc kết nối các vùng, miền, các địa phương sau hợp nhất và với các nước láng giềng; các dự án vành đai vùng thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu triển khai giai đoạn 2, Cảng hàng không quốc tế Long Thành; bảo đảm tiến độ Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, Dự án sân bay Thổ Chu (An Giang)... Triển khai dự án cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, cảng Hòn Khoai và một số cảng biển tiềm năng khác.

b) Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án hạ tầng, nhất là các dự án quy mô lớn; bảo đảm nguồn cung và kiểm soát giá nguyên vật liệu, chỉ tiêu sử dụng đất. Tiếp tục hoàn thiện các định mức xây dựng, suất vốn đầu tư và giá xây dựng tổng hợp phục vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Khẩn trương triển khai thu phí các đường cao tốc để có nguồn lực tiếp tục đầu tư hạ tầng chiến lược.

c) Phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế, nhất là năng lượng sạch; thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 70-KL/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng; tuyệt đối không để thiếu điện; khẩn trương triển khai các dự án năng lượng quan trọng, bảo đảm tiến độ dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2.

d) Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật số thế hệ mới; đẩy mạnh thương mại hoá và phủ rộng 5G, nghiên cứu 6G, xác định lộ trình để Việt Nam gia nhập nhóm quốc gia dẫn đầu về chất lượng hạ tầng viễn thông và độ phủ sóng 5G, 6G. Phát triển, tối ưu hoá các nền tảng theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước trở thành hạ tầng thông tin đặc biệt, hiện đại, thống nhất, dùng chung toàn hệ thống chính trị.

đ) Chú trọng phát triển hạ tầng văn hoá, giáo dục, y tế, nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thủy sản, thủy lợi, giống nông lâm nghiệp và các công trình cấp nước khu vực nông thôn; hạ tầng tiêu, thoát nước cho vùng công nghiệp và đô thị. Đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế trọng điểm quốc gia mang tầm khu vực, quốc tế. Khai thác hiệu quả, mở rộng các không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển.

6. Tạo đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; nâng mặt bằng kỹ năng của toàn xã hội

a) Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Có chính sách ưu đãi đủ mạnh để khuyến khích

doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ; cơ chế khuyến khích phải dựa vào kết quả, không hỗ trợ dàn đều. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Xây dựng các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học mang tính đột phá, tập trung vào 11 nhóm ngành công nghệ chiến lược. Xây dựng các cơ sở nghiên cứu và phát triển các ngành công nghệ cao, chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, công nghệ sinh học; từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị công nghệ cao. Đẩy mạnh phát triển thị trường khoa học, công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại, hội nhập; thúc đẩy thương mại hoá kết quả nghiên cứu. Phát huy hiệu quả Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia, các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước; thu hút nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại Việt Nam. Thúc đẩy bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ.

b) Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia gắn với bảo đảm an ninh, an toàn mạng. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước và triển khai hiệu quả Đề án 06. Phát triển hạ tầng số quốc gia, nhất là xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành “*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, liên thông, dùng chung*”. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu, không phụ thuộc địa giới hành chính. Triển khai có hiệu quả việc chuyển giao một số nhiệm vụ mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện, giao cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích đảm nhiệm. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp, các Trung tâm phục vụ hành chính công tại địa phương. Phấn đấu năm 2026, nước ta thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN về xếp hạng Chính phủ điện tử.

c) Tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; tập trung nâng cao năng suất lao động. Có cơ chế đột phá phát triển các đại học quốc gia, cơ sở giáo dục đại học xuất sắc và các chương trình nghiên cứu công nghệ chiến lược, tạo nền tảng nhân lực cho phát triển dài hạn. Rà soát, hoàn thiện Chương trình giáo dục phổ thông; tập trung xây dựng, cung cấp một bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc sử dụng từ năm học 2026 - 2027. Đẩy mạnh đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; từng bước đưa trí tuệ nhân tạo và rô-bốt vào giáo dục phổ thông. Đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao cho học sinh. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên.

d) Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, triển khai chiến lược giáo dục đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động và các ngành công nghệ, công nghiệp mũi nhọn; nâng cao kỹ năng nền tảng, kỹ năng số cho người lao động. Thực hiện kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam, xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, Đề án Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số ngành lĩnh vực trọng điểm. Nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh hợp tác doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm.

7. Chú trọng phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội

a) Quan tâm, ưu tiên nguồn lực bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng miền. Triển khai đồng bộ Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam; thúc đẩy đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa chuyên nghiệp, hiện đại, sáng tạo, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển công nghiệp giải trí, điện ảnh, du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn; khuyến khích hình thành các khu, trung tâm công nghiệp văn hóa tại các đô thị lớn. Chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá. Tiếp tục triển khai hiệu quả Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới, Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao, Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Chuẩn bị lực lượng cho Đoàn Thể thao Việt Nam tham dự các Đại hội Thể thao Đông Nam Á, Châu Á, thế giới tổ chức trong năm 2026 đạt kết quả tốt nhất.

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Chi trả trợ cấp ưu đãi người có công không dùng tiền mặt và chi trả thông qua tổ chức dịch vụ có kinh nghiệm chi trả, mạng lưới bao phủ 100% địa bàn xã/phường phù hợp với đặc thù người hưởng và điều kiện của địa phương; xây dựng cơ sở dữ liệu về người có công. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng người có công, các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ nhà ở cho người có công. Tu sửa, nâng cấp mộ liệt sĩ, các công trình nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm, ghi công.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội theo hướng toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững. Áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về chính sách xã hội. Thực hiện đồng bộ, kịp thời các chương trình, đề án, chính sách về trợ giúp xã hội. Chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ có kinh nghiệm, mạng lưới bao phủ 100% địa bàn xã/phường phù hợp với đặc thù người hưởng và điều kiện của địa phương. Rà soát, trợ giúp xã hội dịp Tết Nguyên đán, giáp hạt năm 2026; cứu trợ đột xuất kịp thời khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra. Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí.

d) Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo. Hoàn thiện chính sách giảm nghèo, tránh chồng chéo, trùng lặp, gắn với mục tiêu phát triển bền vững; ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tin dụng chính sách xã hội cho người nghèo. Khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của hộ nghèo, cận nghèo.

đ) Tiếp tục hoàn thiện quy định trong lĩnh vực tiền lương, bảo hiểm xã hội, lao động, quan hệ lao động; tập trung triển khai Nghị quyết số 28-NQ/TW của Trung ương về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; từng bước mở rộng vùng phủ bảo hiểm xã hội, xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng đảm bảo an sinh xã hội bền vững. Triển khai hiệu quả các Kết luận của Bộ Chính trị về cải cách chính sách tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang sau sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

e) Tăng cường kết nối cung cầu, phát triển thị trường lao động; làm tốt công

tác an toàn, vệ sinh lao động và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam. Thực hiện hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án hỗ trợ giải quyết việc làm; chú trọng giải quyết việc làm cho thanh niên, lao động yếu thế và lao động nữ. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; chuyển dịch nhanh lao động có việc làm phi chính thức sang việc làm chính thức, hỗ trợ lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, các khu công nghiệp và lao động vùng biên, người dân tộc thiểu số. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động. Nâng cao hiệu quả các tổ chức dịch vụ việc làm; đầu tư phát triển hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm công lập. Đẩy mạnh công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; ổn định, duy trì các thị trường truyền thống, mở rộng thị trường có thu nhập cao; năm 2026, đưa khoảng 112 nghìn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Theo dõi, nắm thông tin về lao động làm việc ở nước ngoài để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.

Làm tốt công tác quản lý, cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; thu hút, quản lý và sử dụng hiệu quả lao động nước ngoài tại Việt Nam. Triển khai các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tranh chấp lao động, đình công và hỗ trợ giải quyết các vụ việc phát sinh. Triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ban Bí thư về công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới.

g) Tập trung thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030". Phấn đấu năm 2026 hoàn thành trên 110 nghìn căn hộ nhà ở xã hội, về đích sớm mục tiêu 1 triệu căn vào năm 2028; hoàn thành xây dựng 248 trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới trong năm 2028.

h) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ miễn, giảm chi phí cho một số đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế trong khám, chữa bệnh. Nâng cao năng lực y tế cơ sở, y tế dự phòng, dự báo, giám sát và phát hiện sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Triển khai lộ trình tăng số lượng vắc-xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021-2030; thực hiện tốt Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2026. Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm, môi trường y tế, sức khỏe học đường, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích và nâng cao sức khỏe người dân. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ở tất cả các tuyến; nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân. Tập trung mở rộng hoạt động khám, chữa bệnh từ xa, ngay từ cơ sở. Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án về công tác dân số. Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển y, dược học cổ truyền. Tăng cường quản lý giá thuốc, quản lý, cấp phép, gia hạn, bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc-xin, thiết bị y tế cho bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, phòng chống thiên tai và các tình huống khẩn cấp. Phát triển công nghiệp dược, dược liệu, sản xuất thiết bị y tế trong nước. Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện tính chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Hoàn thiện quy định liên quan đến đặc thù đào tạo nhân lực y tế, ban hành các chuẩn năng lực nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo. Chỉ đạo, hướng dẫn quản lý sức khỏe điện tử, sổ khám

chữa bệnh điện tử, ứng dụng khám chữa bệnh từ xa. Nghiên cứu chế độ, chính sách đãi ngộ xứng đáng với yêu cầu nhiệm vụ, đặc thù công việc của ngành y tế; cơ chế bảo vệ an toàn cho cán bộ ngành y tế trong khi thi hành nhiệm vụ.

i) Tập trung cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng biên giới, hải đảo, vùng khó khăn. Quan tâm phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc các cấp. Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về tôn giáo, tín ngưỡng; tăng cường bảo đảm an ninh tôn giáo; bảo đảm các tổ chức tôn giáo hoạt động theo đúng quy định; phòng ngừa, đấu tranh, phản bác với các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho phát triển.

k) Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để phát triển trẻ em toàn diện. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; kiểm soát và giảm số lượng trẻ em bị xâm hại, tai nạn, thương tích, bạo lực học đường, đuối nước, tai nạn giao thông...; thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam và các chương trình, đề án phát triển thanh niên giai đoạn 2021 - 2030. Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật, các chiến lược, chương trình, đề án thúc đẩy bình đẳng giới; phòng chống bạo lực gia đình.

l) Nâng cao và thực hiện hiệu quả phòng, chống tệ nạn xã hội, các chính sách, pháp luật về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán.

8. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

a) Tập trung thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị; sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính.

b) Quyết liệt triển khai các nhiệm vụ thực hiện sáng kiến, cam kết của Việt Nam tại COP26 và COP28. Đề xuất phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tổ chức vận hành thí điểm thị trường các-bon đối với một số lĩnh vực cụ thể. Xử lý căn cơ ô nhiễm môi trường, nhất là tại các đô thị lớn; xây dựng Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; rà soát, điều chỉnh phù hợp lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đang lưu hành; quyết liệt xử lý ô nhiễm dòng sông, bờ sông gắn với xây dựng và quản lý đô thị xanh, sạch, đẹp, hiện đại, văn minh. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Triển khai hiệu quả các giải pháp phòng chống ngập lụt cho các thành phố lớn, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các địa điểm là di sản văn hóa thế giới; các chương trình thích ứng biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long và phòng, chống lũ lụt, sạt lở, khô hạn tại miền Trung, Tây Nguyên và miền Bắc.

c) Có giải pháp huy động hiệu quả nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, nhất là khoáng sản chiến lược; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản. Đẩy nhanh tiến độ xây

dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại các địa phương và tích hợp lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; hoàn thiện hệ thống bản đồ số địa chính trên toàn quốc (100% xã có bản đồ địa chính); xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin đất đai trực tuyến. Hoàn thiện và hoạt động sản giao dịch bất động sản. Kiểm soát chặt chẽ, công khai, minh bạch trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Phát triển công nghiệp môi trường, dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải. Xây dựng Chiến lược quốc gia về đất hiếm; quản lý khai thác và sử dụng hiệu quả đất hiếm phục vụ phát triển các ngành công nghiệp mới gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

d) Thực hiện hiệu quả các chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng trên biển theo quy mô công nghiệp; giảm dần sản lượng khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ, quyết liệt gỡ “thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu. Tiếp tục đầu tư hình thành các Trung tâm nghề cá lớn.

đ) Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập, khai thác hiệu quả nguồn nước; ngăn chặn và phục hồi suy giảm, ô nhiễm tài nguyên nước. Theo dõi, giám sát vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ, đảm bảo 100% hồ chứa được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu hằng ngày. Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ, sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công và sông Hồng.

e) Tiếp tục hiện đại hóa mạng lưới khí tượng thủy văn, nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

g) Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có, duy trì độ che phủ rừng ở mức trên 42%; phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

h) Nâng cấp, nhân rộng, phát triển các chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản an toàn, bền vững; tiếp tục thực hiện các chương trình giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; chủ động xử lý hiệu quả các sự cố mất an toàn thực phẩm.

9. Tăng cường liên kết vùng, thực hiện hiệu quả quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị

a) Nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành các nghị quyết (hoặc kết luận) về 6 vùng kinh tế - xã hội. Kiện toàn và phát huy vai trò của các Hội đồng điều phối vùng; triển khai hiệu quả các quy hoạch vùng kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Rà soát, hoàn thiện, điều chỉnh các quy hoạch vùng phù hợp với điều chỉnh phân vùng mới, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch cấp tỉnh và triển khai hiệu quả ngay sau khi được phê duyệt.

b) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam. Nghiên cứu Chương trình quốc gia về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị giai đoạn 2026-2030, Đề án xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển khu du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

10. Cùng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; tiếp tục xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội

a) Thực hiện tốt chức năng tham mưu chiến lược cho Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Chủ động nghiên cứu, nắm chắc, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời tham mưu, xử lý thắng lợi các tình huống, không để bị động bất ngờ. Tập trung xây dựng quân đội, công an “tinh, gọn, mạnh” với trọng tâm là nâng cao chất lượng huấn luyện, khả năng chiến đấu và sự linh hoạt trong tác chiến và hướng về cơ sở. Tiếp tục củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; triển khai các đề án cải cách tư pháp, xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại... Thường xuyên nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng, nhất là các địa bàn chiến lược, trọng điểm, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ, lợi ích quốc gia - dân tộc. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; kiểm soát chặt chẽ hoạt động xuất, nhập cảnh. Phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động hiệu quả các nguồn lực, xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Nghiên cứu phát triển công nghệ, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, lưỡng dụng, hiện đại, nâng cao sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang; thương mại hóa các sản phẩm quốc phòng, an ninh mà Việt Nam sản xuất được. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh và kinh tế - xã hội trên từng địa bàn và cả nước. Chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, phương án phòng thủ dân sự, ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh phi truyền thống. Thực hiện tốt công tác hợp tác quốc tế về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn, khắc phục hậu quả chiến tranh, rà phá bom, mìn, xử lý chất độc hóa học, các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên Hợp quốc.

b) Giữ vững an ninh quốc gia trong mọi tình huống; chuyển biến tích cực về trật tự an toàn xã hội. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các sự kiện quan trọng, đặc biệt là Đại hội Đảng XIV, bầu cử Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031... Tăng cường công tác nắm tình hình, nhất là sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn, kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước các chủ trương, chính sách, tuyệt đối không để bị động, bất ngờ về chiến lược, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa. Đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động tình báo, gián điệp, hoạt động khủng bố, phá hoại, kích động biểu tình gây rối an ninh trật tự. Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; bảo đảm an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh kinh tế. Tăng cường bảo vệ bí mật nhà nước, đặc biệt trên không gian mạng và trong chuyên đôi số. Bảo đảm an ninh tôn giáo; giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp, khiếu kiện, không để kẻ địch lợi dụng chống phá, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự. Bảo đảm an ninh, trật tự các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ.

Tập trung các giải pháp kiềm chế, kéo giảm tội phạm bền vững. Trấn áp mạnh, quyết liệt các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; xử lý nghiêm tội phạm và các vi phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự theo hướng tạo điều kiện thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị, phòng cháy, chữa cháy; hạn chế ùn tắc giao thông tại các thành phố lớn, tuyến giao thông trọng điểm.

11. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn

lực phục vụ phát triển, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, tạo môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước. Tham gia chủ động, có trách nhiệm và giải quyết các vấn đề chung của quốc tế, khu vực. Tiếp tục đưa quan hệ với các nước đi vào chiều sâu, ổn định, thực chất, bền vững. Nghiên cứu nâng cấp quan hệ với một số đối tác vào thời điểm thích hợp. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, các quyền, lợi ích hợp pháp của ta trên biển; tăng cường hợp tác quốc tế nhằm duy trì hòa bình, ổn định và phát triển trên các vùng biển và biên giới đất liền. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, kinh tế đối ngoại, trọng tâm là ngoại giao khoa học công nghệ. Thúc đẩy nâng cấp các hiệp định đã là thành viên, đàm phán, ký kết các khuôn khổ hợp tác mới. Thu hút, tận dụng hiệu quả nguồn lực từ các kênh song phương và các cơ chế đa phương phục vụ phát triển. Vận động ứng cử vào các cơ quan, diễn đàn đa phương quan trọng; thúc đẩy vai trò trung gian, hòa giải trong một số vấn đề Việt Nam có lợi ích, khả năng và lợi thế. Đảm nhận hiệu quả vai trò chủ trì, đồng chủ trì cơ chế hợp tác tiểu vùng Mê Công trong năm 2026; chuẩn bị đăng cai năm APEC 2027 tại Việt Nam. Nâng cao hiệu quả thông tin đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài, công tác lãnh sự và bảo hộ công dân, ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân.

12. Chủ động hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận

Tiếp tục đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền; chủ động lan tỏa các điển hình tiên tiến, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt. Thực hiện tốt công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; triệt phá, gỡ bỏ, ngăn chặn thông tin xấu, độc, sai sự thật; xử lý nghiêm túc, cá nhân vi phạm. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, dân chủ ở cơ sở, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện quyết liệt, kịp thời, hiệu quả Kết luận số 199-KL/TW ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Trung ương; Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, các Nghị quyết khác của Đảng, Quốc hội và Nghị quyết này; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện.

b) Trước ngày 20 tháng 01 năm 2026, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, các văn bản của bộ, ngành, địa phương để thực hiện Nghị quyết này; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, phân công đơn vị chủ trì, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2026.

c) Xây dựng kịch bản tăng trưởng của ngành, lĩnh vực hàng quý, cả năm 2026; các địa phương rà soát, xây dựng kịch bản tăng trưởng GRDP năm 2026 theo 03 khu

vực kinh tế, 21 ngành cấp 01 và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm theo từng quý, gửi Bộ Tài chính trong tháng 02 năm 2026 để tổng hợp, theo dõi.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tại các Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V gửi Bộ Tài chính trước ngày 22 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

đ) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và chuẩn bị nội dung xây dựng Nghị quyết của Chính phủ cho năm 2027, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2026 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo nghiên cứu, rà soát các nguồn lực, động lực, năng lực mới cho tăng trưởng, giải pháp thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp trong tháng 02 năm 2026 để điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng GRDP của địa phương trong trường hợp Hội đồng nhân dân đã quyết nghị mục tiêu tăng trưởng thấp hơn mục tiêu tại Nghị quyết này.

3. Các bộ, cơ quan tổng hợp, phụ trách theo dõi các lĩnh vực kinh tế vĩ mô có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

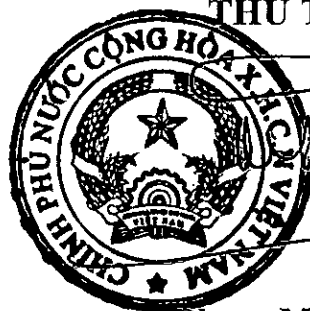
4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương tổng hợp, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện và kiến nghị, đề xuất (nếu có), báo cáo Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng; hướng dẫn, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Phạm Minh Chính



Phụ lục I

CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026 Quốc hội giao	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Phấn đấu 10% trở lên	Bộ Tài chính
2	GDP bình quân đầu người	USD	Đạt 5.400-5.500	Bộ Tài chính
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	Khoảng 24,96	Bộ Tài chính
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4,5	Bộ Tài chính
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân	%	Khoảng 8,5	Bộ Tài chính
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	Khoảng 25,3	Bộ Tài chính
7	Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%	Khoảng 29,5	Bộ Nội vụ
8	Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi ở khu vực thành thị	%	Dưới 4	Bộ Nội vụ
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm %	Khoảng 1-1,5	Bộ NNMT
10	Số bác sĩ trên 1 vạn dân	Bác sĩ	Khoảng 15,3	Bộ Y tế
11	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh	34,7	Bộ Y tế
12	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	95,5	Bộ Y tế
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030)	%	Tối thiểu 15	Bộ NNMT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026 Quốc-hội giao	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	Đạt 95	Bộ NNMT
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Đạt 95	Bộ Tài chính



Phụ lục II

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GRDP NĂM 2026

对一些各省市、直辖市、自治区

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Địa phương	Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2026 (%)
1	Thành phố Hà Nội	10-10,5
2	Thành phố Hải Phòng	13-13,5
3	Ninh Bình	11-12
4	Hưng Yên	11-12
5	Bắc Ninh	12,5-13
6	Quảng Ninh	13,0
7	Lạng Sơn	10,0
8	Cao Bằng	10,0
9	Thái Nguyên	11
10	Tuyên Quang	10,17
11	Phú Thọ	Trên 10
12	Lào Cai	10,0
13	Lai Châu	10,0
14	Điện Biên	11
15	Sơn La	8,0
16	Thanh Hóa	11



TT	Địa phương	Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2026 (%)
17	Nghệ An	10,5-11,5
18	Hà Tĩnh	10
19	Quảng Trị	10,6
20	Thành phố Huế	10,0 trở lên
21	Thành phố Đà Nẵng	11 trở lên
22	Quảng Ngãi	10,0
23	Gia Lai	8,0
24	Đắk Lắk	9,08
25	Khánh Hòa	10,08
26	Lâm Đồng	10-10,5
27	TP Hồ Chí Minh	10
28	Đồng Nai	10
29	Tây Ninh	10,04
30	Thành phố Cần Thơ	10,0 trở lên
31	Vĩnh Long	9,34
32	Đồng Tháp	8,0-8,5
33	An Giang	10
34	Cà Mau	8,8



Phụ lục III

KỊCH BẢN TĂNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) NĂM 2026 THEO GIÁ SO SÁNH 2010

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Đơn vị: %

TT	Ngành kinh tế	Kịch bản tăng trưởng GDP năm 2026 (10%)						
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	109,1	110,2	109,7	110,2	109,9	110,4	110,0
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	103,6	103,8	103,7	103,8	103,7	103,7	103,7
2	Công nghiệp và xây dựng	110,3	112,5	111,5	112,2	111,8	112,4	112,0
a)	<i>Công nghiệp</i>	<i>109,9</i>	<i>112,0</i>	<i>111,0</i>	<i>112,0</i>	<i>111,4</i>	<i>111,4</i>	<i>111,4</i>
-	Khai khoáng	101,5	102,1	101,8	100,6	101,4	100,1	101,1
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	110,4	112,7	111,6	113,3	112,2	112,3	112,2
-	Sản xuất và phân phối điện	112,3	113,9	113,1	110,7	112,3	112,1	112,2
b)	<i>Xây dựng</i>	<i>112,6</i>	<i>114,7</i>	<i>113,8</i>	<i>113,1</i>	<i>113,6</i>	<i>116,5</i>	<i>114,5</i>
3	Dịch vụ	109,6	110,0	109,8	110,1	109,9	110,2	110,0
-	Vận tải, kho bãi	112,0	112,0	112,0	113,0	112,3	111,5	112,1
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	111,1	111,9	111,5	114,5	112,5	112,6	112,6
-	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	110,1	111,1	110,6	111,6	111,0	112,4	111,4
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	108,1	108,6	108,3	109,5	108,7	109,9	109,0



Phụ lục IV
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2026
(Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô			
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém)	%	< 3	NHNN
2	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém)	%	< 5	NHNN
3	Tỷ lệ động viên vào NSNN trên GDP	%	Khoảng 17,4	Bộ TC
4	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển/tổng chi NSNN	%	35,5	Bộ TC
5	Tỷ trọng chi thường xuyên/tổng chi NSNN	%	57,3	Bộ TC
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP	%	Khoảng 35	Bộ TC
7	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	Khoảng 15-16	Bộ CT
8	Khách du lịch, trong đó: <i>Khách du lịch quốc tế:</i> <i>Khách du lịch trong nước:</i>	Triệu lượt khách	25 150	Bộ VHTTDL
9	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP	%GDP	Phấn đấu 14,5	Bộ TC
II	Một số chỉ tiêu về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng			
10	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	Khoảng 12-14	Bộ CT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
11	Tốc độ tăng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	13-15	Bộ CT
12	Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)	Thứ hạng	Trong nhóm 04 quốc gia dẫn đầu của ASEAN	Bộ KHCN
13	Tỷ lệ công bố quốc tế tăng trung bình	%	12	Bộ KHCN
14	Số tổ chức Khoa học và Công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới	Tổ chức	55	Bộ KHCN
15	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	%	20-22	Bộ CT
16	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	%	60-62	Bộ CT
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ công			
17	Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	Tỷ kWh	350-368,1	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	8,5-14,1	
18	Tổng công suất nguồn điện (không bao gồm điện mặt trời mái nhà)	MW	88.165	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	<i>Tối thiểu 6,6% và bảo đảm cung ứng đủ điện cho nền kinh tế</i>	
19	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn (không bao gồm điện mặt trời, gió, sinh khối)	%	21,8	Bộ CT
20	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang	%	84	Bộ KHCN

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
21	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ thế hệ mới IPv6 trên mạng Internet Việt Nam	%	72	Bộ KHCN
22	Diện tích nhà ở bình quân cả nước	m ² sàn/người	27	Bộ XD
23	Số lượng căn nhà ở xã hội hoàn thành	căn	> 110.000	Bộ XD
24	Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	Bộ XD
25	Tỷ lệ hệ thống cấp nước đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn	%	50	Bộ XD
26	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia	%	18	Bộ XD
27	Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc	%	45	Bộ XD
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, y tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường			
28	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	35,5	Bộ GDĐT
29	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	94,5	Bộ GDĐT
30	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Tỉnh	12	Bộ GDĐT
31	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Tỉnh	22	Bộ GDĐT
32	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Tỉnh	5	Bộ GDĐT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
33	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Tỉnh	17	Bộ GDĐT
34	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	Tỉnh	12	Bộ GDĐT
35	Tỷ lệ số người biết chữ trong độ tuổi theo quy định	%	99,12	Bộ GDĐT
36	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	35	Bộ GDĐT
37	Tỷ lệ sinh viên học đại học/vạn dân	SV/vạn dân	220	Bộ GDĐT
38	Số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người	Khoảng 112	Bộ Nội vụ
39	Tỷ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.	%	Đạt 42	Bộ Nội vụ
40	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	48,1	Bộ Tài chính
41	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo thất nghiệp	%	37,07	Bộ Tài chính
42	Số học sinh giáo dục nghề nghiệp được tuyển mới trong năm	Người	2.100	Bộ GDĐT
43	Số học sinh giáo dục nghề nghiệp tốt nghiệp trong năm	Người	1.700	Bộ GDĐT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
44	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%	Trên 91	Bộ Y Tế
45	Tỷ lệ người cao tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	%	Phấn đấu 96	Bộ Y Tế
46	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 91	Bộ Y Tế
47	Tỷ lệ người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy	%	80	Bộ Công an
48	Tỷ trọng người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy trong tổng số người nghiện được cai nghiện	%	40	Bộ Công an
49	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn	%	62	Bộ NNMT
50	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	90	Bộ Y tế
51	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	74,8	Bộ Y tế
52	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	> 80	Bộ Y tế
53	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111	Bộ Y tế
54	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	11	Bộ Y tế
55	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi	Số ca/ trên	16	Bộ Y tế

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
		1.000 trẻ đẻ sống		
56	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	16,8	Bộ Y tế
57	Số được sỹ đại học trên 10.000 dân	DS/vạn dân	3,4	Bộ Y tế
58	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	ĐD/vạn dân	25	Bộ Y tế
59	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt quy chuẩn	%	Trên 98	Bộ Y tế
60	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	Điểm %	3	Bộ NNMT
61	Hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến	%	100	Bộ NNMT
62	Hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập	Công trình	Khoảng 700	Bộ NNMT
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử			
63	Tỷ lệ tổng số lượng gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đủ điều kiện áp dụng đấu thầu qua mạng	%	100	Bộ Tài chính
64	Tỷ lệ tổng giá trị gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đủ điều kiện áp dụng đấu thầu qua mạng	%	100	Bộ Tài chính
65	Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân cả nước	%	84,7	Bộ NV
66	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bình quân cả nước	%	88,87	Bộ NV

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
67	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước	%	86	Bộ NV
68	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	80	Bộ CA
69	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	60	Bộ CA
70	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	%	80	Bộ TP
71	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	90	Bộ TP
72	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của Bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	Bộ CA



Phụ lục V
MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2026
(theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
I.	Nhóm nhiệm vụ về thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn và cơ cấu lại nền kinh tế		
1	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sửa đổi, bổ sung)	Tháng 8/2026	Bộ Tài chính
2	Nghị định hướng dẫn về tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu	Tháng 06/2026	Bộ Tài chính
3	Nghị định về chào bán trái phiếu ra công chúng của doanh nghiệp dự án PPP	Tháng 06/2026	Bộ Tài chính
4	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi)	Tháng 06/2026	Bộ Tài chính
5	Luật Dầu khí (sửa đổi)	Tháng 10/2026	Bộ Công Thương
6	Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 207-KL/TW ngày 10/11/2025 của Ban Bí thư	Tháng 3/2026	Bộ Công Thương
7	Phát triển các mô hình outlet tại Việt Nam giai đoạn 2026- 2030, định hướng đến năm 2045	Tháng 6/2026	Bộ Công Thương
8	Phát triển thị trường giao dịch hàng hóa phái sinh tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Tháng 6/2026	Bộ Công Thương
9	Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch Chiến lược cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030, 2031-2035	Tháng 3/2026	Bộ Công Thương
10	Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thương mại điện tử	Tháng 9/2026	Bộ Công Thương
11	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Tháng 12/2026	NHNN

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
II.	Nhóm nhiệm vụ về rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh		
12	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 61/2024/QH15	Tháng 10/2026	Bộ Công Thương
13	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực và Nghị định số 100/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 56/2025/NĐ-CP	Tháng 2/2026	Bộ Công Thương
14	Luật Hộ tịch (sửa đổi)	Tháng 01/2026	Bộ Tư Pháp
15	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng	Tháng 01/2026	Bộ Tư pháp
16	Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi)	Tháng 01/2026	Bộ Tư Pháp
17	Luật Thủ đô (sửa đổi)	Tháng 3/2026	Bộ Tư pháp
18	Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh	Tháng 3/2026	Bộ Tư pháp
19	Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Tháng 3/2026	Bộ Tư Pháp
20	Luật Đấu giá tài sản (sửa đổi)	Tháng 5/2026	Bộ Tư Pháp
21	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (sửa đổi)	Tháng 5/2026	Bộ Tư Pháp
22	Đề án Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Tháng 5/2026	Bộ Tư pháp
23	Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật	Tháng 5/2026	Bộ Tư pháp
24	Nghị định thay thế các Nghị định về kiểm soát thủ tục hành chính	Tháng 6/2025	Bộ Tư pháp
25	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
26	Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
27	Luật Luật sư (sửa đổi)	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
28	Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
29	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội được thông qua tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
30	Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi)	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
31	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Tư pháp	Tháng 6/2026	Bộ Tư Pháp
32	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2015/NĐ-CP ngày 26/5/2015 về cấp ý kiến pháp lý	Tháng 7/2026	Bộ Tư Pháp
33	Đề án “Văn hóa trong tuân thủ pháp luật”	Tháng 8/2026	Bộ Tư Pháp
34	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI	Tháng 8/2026	Bộ Tư Pháp
35	Đề án thực hiện soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung, chuyên nghiệp	Tháng 9/2026	Bộ Tư Pháp
36	Đề án “Hoàn thiện tiêu chí và các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ người làm công tác xây dựng thể chế, pháp luật”	Tháng 9/2026	Bộ Tư Pháp
37	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số VBQPPL do Thủ tướng Chính phủ ban hành	Tháng 10/2026	Bộ Tư Pháp
38	Nghị định thay thế Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/05/2015 về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Tháng 10/2026	Bộ Tư Pháp
39	Nghị định bãi bỏ một số nghị định của Chính phủ	Tháng 10/2026	Bộ Tư Pháp

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
40	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc Phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2027	Tháng 11/2026	Bộ Tư Pháp
41	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội được thông qua tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XVI	Tháng 12/2026	Bộ Tư Pháp
42	Đề án nâng tầm tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách trong lĩnh vực pháp luật thuộc Bộ Tư pháp (Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý) trở thành cơ sở nghiên cứu trọng điểm quốc gia, trung tâm nghiên cứu chính sách, pháp luật thuộc nhóm dẫn đầu các nước ASEAN	Tháng 12/2026	Bộ Tư Pháp
43	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Tháng 12/2026	Bộ Tư pháp
44	Đề án tăng cường sự tham gia của các chuyên gia pháp luật Việt Nam trong các tổ chức pháp lý quốc tế và cơ quan tài phán quốc tế	Tháng 12/2026	Bộ Tư pháp
45	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án về hành chính	Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 được Quốc hội thông qua	Bộ Tư pháp
46	Nghị định thay thế Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sau khi ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sửa đổi)	Bộ Tư pháp
47	Luật Bru chính (sửa đổi)	Tháng 5/2026	Bộ KH và CN
48	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường	Tháng 5/2026	Bộ KH và CN

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
49	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ	Tháng 02/2026	Bộ KH và CN
50	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 18/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.	Tháng 10/2026	Bộ KH và CN
51	Sửa đổi Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	Tháng 9/2026	Bộ KH và CN
52	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch cụ thể phát triển cơ sở hạ tầng điện hạt nhân theo khuyến nghị của IAEA	Tháng 9/2026	Bộ KH và CN
53	Nghị quyết của Chính phủ về việc về việc gia nhập Công ước Viên về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân	Tháng 11/2026	Bộ KH và CN
54	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế phối hợp xử lý nhiễu có hại giữa đài vô tuyến điện phục vụ kinh tế - xã hội với đài vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh	Tháng 12/2026	Bộ KH và CN
55	Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn biện pháp tổ chức thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15	Tháng 02/2026	Bộ KH và CN
56	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật công nghệ cao số 133/2025/QH15	Tháng 04/2026	Bộ KH và CN
57	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược	Tháng 2/2025	Bộ KH và CN
III.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp		
58	Nghị định quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ học bổng quốc gia	Tháng 11/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
59	Nghị định quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục	Tháng 11/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
60	Nghị định quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ học sinh, sinh viên, giảng viên, giáo viên đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng ở các nước phát triển, các nước có quan hệ truyền thống, có thế mạnh trong các lĩnh vực, ngành trọng điểm	Tháng 11/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
61	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2030	Tháng 11/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
62	Đề án phát triển Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2030, định hướng 2045	Tháng 12/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
63	Đề án đổi mới công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 12/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
64	Đề án phát triển đội ngũ Nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2035	Tháng 6/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
65	Đề án thúc đẩy hiệu quả mô hình hợp tác “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” trong giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp	Tháng 6/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
66	Xây dựng Đề án phát triển mạng lưới đại diện giáo dục và đào tạo ở các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Tháng 11/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo
67	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, viên chức Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới	Tháng 9/2026	Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam
68	Chiến lược phát triển Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 9/2026	Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam
69	Chiến lược đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 6/2026	Bộ Nội vụ
IV.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân		

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
70	Nghị định thay thế Nghị định số 58/2020/NĐ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ Quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	Tháng 12/2026	Bộ Nội Vụ
71	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024 của Chính phủ quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động	Tháng 12/2026	Bộ Nội Vụ
72	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi)	Tháng 01/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
73	Nghị định quy định về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Tháng 05/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
74	Nghị định về công tác dân tộc	Tháng 12/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
75	Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi)	Tháng 12/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
76	Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tháng 9/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
77	Đề án “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo”	Tháng 9/2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
78	Đề án phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện giai đoạn 2026 - 2030	Tháng 6/2026	Bộ Y Tế
79	Đề án phát triển du lịch y tế giai đoạn 2026 - 2030	Tháng 12/2026	Bộ Y Tế
80	Đề án phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu	Tháng 12/2026	Bộ Y Tế
81	Đề án nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định thuộc lĩnh vực y tế	Tháng 12/2026	Bộ Y Tế
82	Chiến lược quốc gia về phát triển trẻ em giai đoạn 2026 – 2035, tầm nhìn đến 2045	Tháng 12/2026	Bộ Y Tế
83	Đề án chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em những năm đầu đời giai đoạn 2026 – 2030	Tháng 12/2026	Bộ Y Tế
84	Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 – 2030	Tháng 12/2026	Bộ Y Tế
85	Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục giai đoạn 2026 – 2030	Tháng 12/2026	Bộ Y Tế

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
86	Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2026 - 2030	Tháng 12/2026	Bộ Y Tế
87	Nghị định thay thế Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2024/NĐCP ngày 30/6/2024	Tháng 6/2026	Bộ Y Tế
88	Nghị định sửa đổi Nghị định 103/2017/NĐ- CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	Tháng 9/2026	Bộ Y Tế
89	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hộ	Tháng 12/2026	Bộ Y Tế
90	Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2026-2035	Tháng 12/2026	Bộ Y Tế
91	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Dân số	Tháng 5/2026	Bộ Y Tế
92	Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2026-2035	Tháng 11/2026	Bộ Y Tế
93	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030	Tháng 3/2026	Bộ KH và CN
94	Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về An sinh xã hội	Tháng 6/2026	Bộ Nội vụ
95	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10/4/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin cơ sở	Tháng 12/2026	Bộ VHTTDL
96	Chiến lược phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2026-2030	Tháng 12/2026	Bộ VHTTDL
97	Đề án Quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài thông qua báo chí, xuất bản và mạng xã hội	Tháng 12/2026	Bộ VHTTDL
98	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Báo chí	Tháng 7/2026	Bộ VHTTDL
99	Nghị định quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính nhà nước	Tháng 7/2026	Bộ VHTTDL

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
V.	Nhóm nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường		
100	Luật Đất đai (sửa đổi)	Tháng 10/2026	Bộ NN và MT
101	Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (thay thế)	Tháng 10/2026	Bộ NN và MT
102	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Tháng 12/2026	Bộ NN và MT
103	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật năm 2026)	Tháng 6/2026	Bộ NN và MT
104	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia (cập nhật)	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT
105	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối	Tháng 6/2026	Bộ NN và MT
106	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn	Tháng 7/2026	Bộ NN và MT
107	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT
108	Quyết định quy định tiêu chí xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT
109	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 1325/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển ngành muối giai đoạn 2021 - 2030.	Tháng 9/2026	Bộ NN và MT
110	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xã nghèo giai đoạn 2026-2035	Tháng 3/2026	Bộ NN và MT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
111	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã nghèo giai đoạn 2026-2035	Tháng 6/2026	Bộ NN và MT
112	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (Chương trình)	Tháng 2/2026	Bộ NN và MT
113	Điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 9/2026	Bộ NN và MT
114	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Ba thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 9/2026	Bộ NN và MT
115	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Vu Gia Thu - Bồn thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 10/2026	Bộ NN và MT
116	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 9/2026	Bộ NN và MT
117	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn - Hà Thanh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 10/2026	Bộ NN và MT
118	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Trà Khúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT
119	Chiến lược tài nguyên nước quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12/2026	Bộ NN và MT
120	Đề án thí điểm phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm các sông Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê	Tháng 6/2026	Bộ NN và MT
121	Danh mục lưu vực sông liên quốc gia; danh mục lưu vực sông liên tỉnh	Tháng 4/2026	Bộ NN và MT
122	Luật sửa đổi một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	Theo Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Bộ NN và MT
123	Điều tra, phân loại và lập danh mục các nguồn nước mặt sông liên tỉnh bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt trên phạm vi toàn quốc	Tháng 11/2026	Bộ NN và MT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
124	Đề án “Phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực nông nghiệp”	Tháng 3/2026	Bộ NN và MT
125	Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Bắc Trung Bộ phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội (địa bàn các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế)	Tháng 02/2026	Bộ NN và MT
126	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	Tháng 9/2026	Bộ NN và MT
127	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	Tháng 3/2026	Bộ NN và MT
128	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 6/2026	Bộ NN và MT
VI.	Nhóm nhiệm vụ về hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính		
129	Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật tiếp công dân (thay thế Nghị định số 64/2014/NĐ-CP)	Tháng 6/2026	Thanh Tra Chính phủ
130	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại	Tháng 6/2026	Thanh Tra Chính phủ
131	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Tố cáo	Tháng 6/2026	Thanh Tra Chính phủ
132	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng (thay thế Nghị định số 59/2019/NĐ-CP và Nghị định số 134/2021/NĐ-CP)	Tháng 6/2026	Thanh Tra Chính phủ
133	Nghị định về kiểm soát tài sản của người có chức vụ, quyền hạn (thay thế Nghị định số 130/2020/NĐ-CP)	Tháng 6/2026	Thanh Tra Chính phủ
VII.	Nhóm nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh		
134	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi)	Tháng 5/2026	Bộ Công An

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
135	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự	Tháng 5/2026	Bộ Công An
136	Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý và các chế độ đối với người lưu trú tại cơ sở lưu trú	Tháng 5/2026	Bộ Công An
137	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dẫn độ	Tháng 4/2026	Bộ Công An
138	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù	Tháng 4/2026	Bộ Công An
139	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp	Tháng 12/2026	Bộ Công An
140	Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu	Tháng 12/2026	Bộ Công An
141	Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Tháng 12/2026	Bộ Công An
142	Nghị định của Chính phủ về tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố và một số chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Năm 2026	Bộ Nội vụ
VIII.	Nhóm nhiệm vụ về công tác đối ngoại		
143	Nghị quyết của Chính phủ phê duyệt Văn kiện Đại hội Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU) lần thứ 28	Tháng 12/2026	Bộ KH và CN
144	Quyết định của Chủ tịch nước đối với việc sửa đổi Hiến chương Liên minh Bưu chính thế giới (UPU)	Tháng 12/2026	Bộ KH và CN
145	Triển khai Đề án tăng cường công tác đối ngoại phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới	2026-2030	Bộ Ngoại giao
146	Đề án tổng thể năm APEC 2027	Tháng 3/2026	Ủy ban quốc gia APEC 2027 - Bộ Ngoại giao
147	Triển khai vai trò chủ trì cơ chế hợp tác Campuchia – Lào – Myanmar – Việt Nam (CLMV) và tổ chức Hội nghị Cấp cao CLMV lần thứ 12	2026	Bộ Ngoại giao

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
148	Triển khai vai trò đồng chủ trì cơ chế hợp tác Mê Công – Lan Thương (MLC) và tổ chức Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao MLC lần thứ 11	2026	Bộ Ngoại giao
149	Thúc đẩy hợp tác kết nối ba nền kinh tế Việt Nam – Lào – Campuchia, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động hợp tác đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp ba nước	2026	Bộ Ngoại giao
150	Nghiên cứu “Cơ chế hợp tác kinh tế mới Việt Nam – Campuchia	2026	Bộ Ngoại giao
151	Tiếp tục thúc đẩy trao đổi, đàm phán với Campuchia về Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và Hiệp định về quản lý cửa khẩu biên giới	Tùy thuộc và tiến trình đàm phán giữa hai bên	Bộ Ngoại giao
152	Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới	2026	Bộ Ngoại giao